|  | TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC  **KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| --- | --- | --- |

**RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

**DÀNH CHO CÁN BỘ HƯỚNG DẪN TẠI DOANH NGHIỆP**

Họ và tên cán bộ hướng dẫn:

Đơn vị công tác:

Họ và tên sinh viên:

Mã sinh viên: Ngành học: Lớp:

Tên đề tài:

**Nhận xét:**

*Nêu rõ ưu, nhược điểm và những nội dung cần chỉnh sửa trong đồ án, câu hỏi (nếu có).*

**Tiêu chí đánh giá:**

| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Yếu (0 - 39%)** | **Trung Bình**  **(40-54%)** | **Khá (55-69%)** | **Giỏi (70-84%)** | **Xuất sắc**  **(85-100%)** | **Trọng số** | **Điểm tối đa** | **Điểm đánh giá**  **(Cho lẻ đến 0.25)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Ý thức, thái độ** | | | | | | **50%** | **5,0** |  |
| 1.1 Chấp hành nội quy của đơn vị | Không chấp hành các nội quy, quy chế của đơn vị | Thường xuyên vi phạm nội quy, quy chế của đơn vị | Có vi phạm một vài nội quy, quy chế của đơn vị | Chấp hành nội quy, quy chế của đơn vị | Chấp hành tốt nội quy, quy chế của đơn vị | **10%** | **1,0** |  |
| 1.2 Thái độ làm việc | Rất thụ động với công việc được giao | Thụ động với công việc được giao | Hoàn thành công việc được giao | Tích cực đối với công việc được giao | Rất tích cực đối với công việc được giao | **10%** | **1,0** |  |
| 1.3 Ý thức học hỏi | Không có thái độ học hỏi | Rất ít học hỏi và tiếp thu thêm kiến thức mới | Có thái độ học hỏi và tiếp thu thêm kiến thức mới | Tích cực học hỏi, tiếp thu thêm kiến thức | Rất tích cực học hỏi, tiếp thu thêm các kiến thức mới | **10%** | **1,0** |  |
| 1.4 Tinh thần đồng đội | Không có thái độ hợp tác trong làm việc nhóm | Có thái độ chưa tích cực trong các hoạt động nhóm | Hoàn thành các công việc trong nhóm | Hoàn thành tốt vai trò trong nhóm | Luôn sẵn sàng phối hợp và hỗ trợ trong công việc nhóm | **10%** | **1,0** |  |
| 1.5 Kiến thức và kỹ năng thu nhận | Thu nhận kém kiến thức và kỹ năng được yêu cầu. | Thu nhận một phần các kiến thức cơ bản và kỹ năng được yêu cầu | Thu nhận ở mức cơ bản kiến thức và kỹ năng được yêu cầu. | Thu nhận đầy đủ kiến thức và kỹ năng được yêu cầu. | Thu nhận rất tốt kiến thức và kỹ năng được yêu cầu. | **10%** | **1,0** |  |
| **2. Đánh giá kết quả thực hiện** | | | | | | **50%** | **5,0** |  |
| 2.1 Hoàn thành và đảm bảo đầy đủ nội dung theo yêu cầu đặt ra | Hầu hết không hoàn thành và đảm bảo đầy đủ nội dung theo yêu cầu đặt ra | Hoàn thành báo cáo thực tập; hầu hết các nội dung thực nghiệm chưa hoàn thành theo yêu cầu | Hoàn thành báo cáo thực tập; hoàn thành các nội dung cơ bản của thực nghiệm theo yêu cầu. | Một số nội dung chưa hoàn thành và đảm bảo đầy đủ theo yêu cầu | Hoàn thành và đảm bảo đầy đủ nội dung theo yêu cầu | **50%** | **5,0** |  |
| **TỔNG** |  |  |  |  |  | **100%** | **10** |  |

*Lưu ý: Điểm chấm làm tròn đến một chữ số thập phân*

Ngày tháng năm 20…

KÝ TÊN

|  | TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC  **KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| --- | --- | --- |

**RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

**DÀNH CHO CÁN BỘ CHẤM THI**

Họ và tên cán bộ chấm thi:

Đơn vị công tác:

Họ và tên sinh viên:

Mã sinh viên: Ngành học: Lớp:

Tên đề tài:

**Nhận xét:**

*Nêu rõ ưu, nhược điểm và những nội dung cần chỉnh sửa trong đồ án, câu hỏi (nếu có).*

**Tiêu chí đánh giá:**

| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Yếu (0 - 39%)** | **Trung Bình**  **(40-54%)** | **Khá (55-69%)** | **Giỏi (70-84%)** | **Xuất sắc**  **(85-100%)** | **Trọng số** | **Điểm tối đa** | **Điểm đánh giá**  **(Cho lẻ đến 0.25)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Báo cáo kết quả** | | | | | | **30%** | **3,0** |  |
| Nội dung trình bày đầy đủ, thời gian trình bày phù hợp | - Không có tài liệu trình bày, nội dung trình bày gần như không có | - Có chuẩn bị tài liệu trình bày, tuy nhiên tài liệu còn sơ sài.  - Thời gian trình bày các phần chưa hợp lý | - Có chuẩn bị tài liệu, tài liệu bố cục chưa hợp lý  - Thời gian trình bày chưa hợp lý | - Có chuẩn bị tài liệu, bố cục tài liệu hợp lý  - Thời gian trình bày phù hợp | - Có sáng tạo trong cách thức trình bày kết quả  - Thời gian trình bày được phân bổ hợp lý | **10%** | **1,0** |  |
| Kết quả trả lời các câu hỏi phản biện và câu hỏi khác | - Không trả lời hoặc nội dung trả lời sai | - Trả lời được ít hơn 50% số câu hỏi, kết quả trả lời chưa tốt | - Trả lời được ít hơn 70% câu hỏi, kết quả trả lời phù hợp với nội dung câu hỏi | - Trả lời được ít hơn 85% câu hỏi, kết quả trả lời tốt so với nội dung câu hỏi | - Trả lời được toàn bộ câu hỏi, kết quả trả lời tốt so với nội dung câu hỏi | **20%** | **2,0** |  |
| **2. Đánh giá kết quả thực hiện** | | | | | | **60%** | **6,0** |  |
| 2.1 Hoàn thành và đảm bảo đầy đủ nội dung theo yêu cầu học phần thực tập tốt nghiệp | Hầu hết không hoàn thành và đảm bảo đầy đủ nội dung theo yêu cầu của học phần. | Hoàn thành báo cáo thực tập; hầu hết các nội dung thực nghiệm chưa hoàn thành theo yêu cầu của học phần. | Hoàn thành báo cáo thực tập; hoàn thành các nội dung cơ bản của thực nghiệm theo yêu cầu của học phần. | Một số nội dung chưa hoàn thành và đảm bảo đầy đủ theo yêu cầu của học phần. | Hoàn thành và đảm bảo đầy đủ nội dung theo yêu cầu của học phần. | **40%** | **4,0** |  |
| 2.2 Đảm bảo yêu cầu về hình thức trình bày, bản vẽ, tham khảo, tỉ lệ trùng lặp | - Hình thức trình bày, cấu trúc, định dạng không đúng quy định.  - Không trích dẫn tham khảo với các nội dung tham khảo  - Tỉ lệ trùng lặp dưới **20%** | - Hình thức trình bày, cấu trúc, định dạng … phần lớn không đúng quy định.  - Còn rất nhiều nội dung tham khảo chưa trích dẫn  - Tỉ lệ trùng lặp dưới **20%** | - Hình thức trình bày, cấu trúc, định dạng, … của nhiều nội dung không đúng quy định.  - Còn nhiều nội dung tham khảo chưa trích dẫn.  - Tỉ lệ trùng lặp dưới **20%** | - Hình thức trình bày, cấu trúc, định dạng, … của một số nội dung không đúng quy định.  - Còn một số nội dung tham khảo chưa trích dẫn  - Tỉ lệ trùng lặp dưới **20%** | - Hình thức trình bày, cấu trúc, định dạng, … đúng quy định và thống nhất.  - Các nội dung tham khảo được trích dẫn hết  - Tỉ lệ trùng lặp dưới **20%** | **20%** | **2,0** |  |
| **3. Tính khoa học và ứng dụng thực tiễn** | | | | | | **10%** | **1,0** |  |
| 3.1 Tính mới, tính sáng tạo | Đề tài không có tính mới, tính sáng tạo | | Đề tài có tính sáng tạo, có điểm mới so với các nội dung kế thừa. | | | **5%** | **0,5** |  |
| 3.2 Phạm vi và mức độ ứng dụng | Không có khả năng áp dụng cũng như không có hướng phát triển cao hơn trong tương lai | | Có khả năng ứng dụng vào thực tế nhưng khó có khả năng phát triển cao hơn trong tương lai | Có khả năng ứng dụng vào thực tế và có thể định hướng phát triển cao hơn trong tương lai | | **5%** | **0,5** |  |
| **TỔNG** |  |  |  |  |  | **100%** | **10** |  |

*Lưu ý: Điểm chấm làm tròn đến một chữ số thập phân*

Ngày tháng năm 20…

KÝ TÊN